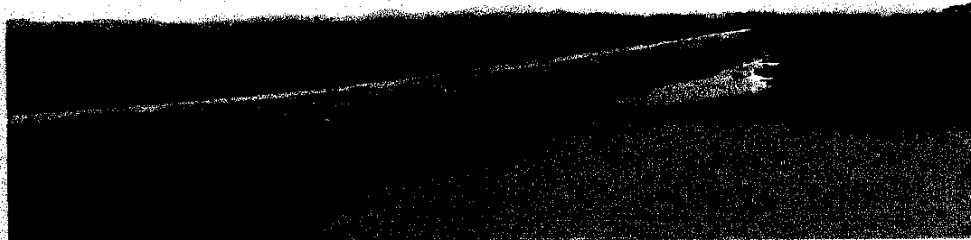
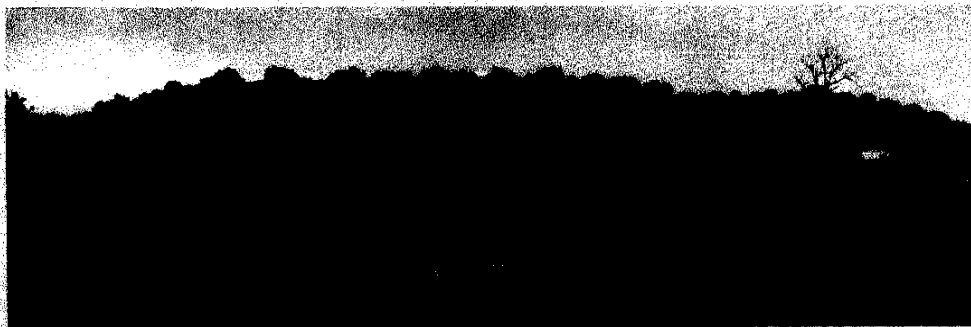


BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
VIỆN QUY HOẠCH VÀ THIẾT KẾ NÔNG NGHIỆP

BÁO CÁO TÓM TẮT

HIỆN TRẠNG KHẢ NĂNG MỞ RỘNG
DIỆN TÍCH ĐẤT SẢN XUẤT
NÔNG NGHIỆP Ở VIỆT NAM



MỤC LỤC

	Trang
MỞ ĐẦU	1
1. TỔNG QUAN KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VỀ ĐẤT TRỒNG ĐỒI TRỌC VÀ ĐẤT CÓ KHẢ NĂNG MỞ RỘNG DIỆN TÍCH SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP	1
<i>1.1. Tổng quan các kết quả nghiên cứu</i>	1
1.1.1. Giai đoạn trước năm 1975	1
1.1.2. Giai đoạn từ 1975 đến nay	2
<i>1.2. Những vấn đề đặt ra cần nghiên cứu về đất có khả năng mở rộng diện tích sản xuất nông - lâm nghiệp</i>	3
2. MỤC TIÊU, NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU	3
<i>2.1. Mục tiêu</i>	3
<i>2.2. Nội dung và phương pháp nghiên cứu</i>	4
2.2.1. Thu thập, phân loại và tổng hợp tài liệu phục vụ các mục tiêu nghiên cứu	4
2.2.2. Nội dung và phương pháp thực hiện mục tiêu 2.1.1	4
2.2.3. Nội dung, phương pháp thực hiện mục tiêu 2.1.2	5
2.2.4. Nội dung phương pháp thực hiện mục tiêu 2.1.3	6
3. KHỐI LƯỢNG THỰC HIỆN ĐIỀU TRA KHẢO SÁT THỜI KỲ 1996 - 2000 VỀ ĐẤT CÓ KHẢ NĂNG MỞ RỘNG DIỆN TÍCH SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP	6
<i>3.1. Tổ chức lực lượng thực hiện</i>	6
3.1.1. Ban chủ nhiệm chương trình	7
3.1.2. Phân công địa bàn công tác	7
<i>3.2. Kết quả điều tra khảo sát của chương trình đã thực hiện 1996 - 2000</i>	7
3.2.1. Giai đoạn 1 (6 tháng đầu năm 1996)	7
3.2.2. Giai đoạn 2 (6/1996 - 9/1999)	7
3.2.3. Giai đoạn 3 (9/1999 đến hết năm 2000)	8
<i>3.3. Kết quả khảo sát ĐTĐT các vùng KTNN</i>	8
3.3.1. Giai đoạn khảo sát 1997 - 1998	8
3.3.2. Giai đoạn khảo sát 1999 - 2000	8
4. THỰC TRẠNG MỞ RỘNG ĐẤT NÔNG - LÂM NGHIỆP GIAI ĐOẠN 1990 - 2000	9
<i>4.1. Hiện trạng sử dụng đất nông nghiệp</i>	10
<i>4.2. Biến động sử dụng đất nông - lâm nghiệp</i>	10
4.2.1. Biến động sử dụng đất nông nghiệp	10
4.2.1. Biến động sử dụng đất lâm nghiệp	12
<i>4.3. Đánh giá thực trạng mở rộng đất nông nghiệp giai đoạn 1990 - 2000</i>	14

4.3.1. Khái quát chung	14
4.3.2. Đất lúa	14
4.3.3. Cây ngắn ngày	14
4.3.4. Cây lâu năm	15
4.3.5. Mặt nước nuôi trồng thủy sản	16
5. ĐẶC ĐIỂM ĐẤT VÀ HIỆN TRẠNG ĐẤT TRỒNG ĐÔI NÚI TRỌC	16
<i>5.1. Diễn biến diện tích ĐTĐT từ năm 1990 đến nay</i>	16
5.1.1. Đất bằng chưa sử dụng	16
5.1.2. Đất đồi núi chưa sử dụng	16
5.1.3. Đất chưa sử dụng khác	17
5.1.4. Đất có mặt nước chưa sử dụng	17
<i>5.2. Thực trạng đất trồng đôi trục năm 2000</i>	17
5.2.1. Cồn cát, bãi cát ven sông, ven biển	17
5.2.2. Trảng cỏ thuần	18
5.2.3. Cỏ xen cây lùm bụi	18
5.2.4. Cây lùm bụi xen cây gỗ rải rác	19
5.2.5. Mặt nước chưa sử dụng	19
5.2.6. Độ phì tự nhiên của đất trong mối quan hệ với lớp phủ thực vật	19
<i>5.3. Đặc điểm các loại đất thuộc đất trồng đôi trục</i>	19
5.3.1. Nhóm cồn cát, bãi cát và đất cát ven biển	20
5.3.2. Nhóm đất mặn	20
5.3.3. Nhóm đất phèn	20
5.3.4. Nhóm đất phù sa	22
5.3.5. Nhóm đất thung lũng dốc tụ	24
5.3.6. Đất lầy và than bùn	25
5.3.7. Nhóm đất xám bạc màu	25
5.3.8. Nhóm đất đỏ và xám nâu vùng bán khô hạn	26
5.3.9. Nhóm đất đen	26
5.3.10. Nhóm đất đỏ vàng	27
5.3.11. Nhóm đất mùn vàng đỏ trên núi	27
5.3.12. Đất mùn trên núi cao	28
5.3.13. Đất xói mòn trơ sỏi đá	28
<i>5.4. Đặc điểm ĐTĐT ở các vùng kinh tế nông nghiệp</i>	28
5.4.1. Vùng Trung du Miền núi Bắc bộ	28
5.4.2. Vùng Đồng bằng sông Hồng	29
5.4.3. Vùng Duyên Hải Bắc Trung bộ	29

5.4.4. Vùng Duyên Hải Nam Trung bộ	30
5.4.5. Vùng Tây Nguyên	30
5.4.6. Vùng Đông Nam bộ	30
5.4.7. Vùng Đồng bằng sông Cửu Long	31
6. ĐỀ XUẤT MỞ RỘNG DIỆN TÍCH ĐẤT NÔNG NGHIỆP	31
<i>6.1. Những căn cứ đề xuất sử dụng ĐTĐT giai đoạn 2001 - 2010</i>	<i>31</i>
6.1.1. Mục tiêu chiến lược chủ yếu của ngành nông - lâm - ngư nghiệp	31
6.1.2. Hiệu quả kinh tế của các loại sử dụng đất hiện tại	32
6.1.3. Kết quả đánh giá mức độ thích nghi của ĐTĐT với một số loại sử dụng đất chính	34
<i>6.2. Đề xuất mở rộng diện tích đất nông nghiệp</i>	<i>36</i>
6.2.1. Khả năng mở rộng diện tích trồng lúa nước	36
6.2.2. Mở rộng diện tích trồng cây ngắn ngày	38
6.2.3. Mở rộng diện tích trồng cây lâu năm	38
6.2.4. Diện tích sử dụng cho đồng cỏ chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản	40
6.2.5. Đất sử dụng cho sản xuất nông - lâm kết hợp và lâm nghiệp	40
<i>6.3. Tổng quát chung về đề xuất sử dụng ĐTĐT vào sản xuất nông nghiệp</i>	<i>40</i>
<i>6.4. Những khu vực trọng điểm khai thác ĐTĐT mở rộng diện tích đất sản xuất nông nghiệp</i>	<i>42</i>
<i>6.5. Đề xuất các giải pháp nghiên cứu, thực hiện mở rộng diện tích đất sản xuất nông nghiệp</i>	<i>43</i>
6.5.1. Xây dựng phương án quy hoạch mở rộng diện tích đất sản xuất nông nghiệp ở cấp tỉnh và huyện	43
6.5.2. Lập dự án mở rộng đất nông nghiệp ở những vùng trọng điểm	43
6.5.3. Nghiên cứu hệ thống chính sách hợp lý, toàn diện, phục vụ cho mở rộng diện tích đất sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp	44
KẾT LUẬN VÀ ĐỀ NGHỊ	44
Kết luận	44
Đề nghị	45

MỞ ĐẦU

Đất nông nghiệp có được diện tích như hiện nay là kết quả lao động cần cù, công sức khai hoang mở đất của nhiều thế hệ. Ở bất kỳ giai đoạn lịch sử nào việc khai phá đất đai để sản xuất nông nghiệp, trước hết là gieo trồng các cây lương thực, thực phẩm nhằm bảo đảm nhu cầu ngày càng tăng của toàn xã hội luôn được coi là nhiệm vụ hàng đầu. Sản phẩm Nông - Lâm - Ngư nghiệp xuất khẩu đang giữ vị trí quan trọng trong nền kinh tế đất nước.

Năm 2000, toàn quốc đã sử dụng 9345,3 nghìn ha đất cho sản xuất nông nghiệp, chiếm 28,4% DTTN. Diện tích đất đang canh tác lúa trên 4,2 triệu ha (chiếm gần nửa diện tích đất nông nghiệp), với mức năng suất như hiện nay cùng sự bổ sung của sản lượng hoa màu, nước ta không những đã đảm bảo được an ninh lương thực mà những năm gần đây còn xuất khẩu bình quân 3 - 4 triệu tấn gạo/năm.

Tuy nhiên, bình quân đất nông nghiệp của nước ta nhiều năm nay vẫn ở mức xấp xỉ 0,11 ha/dầu người, thấp hơn nhiều so với các nước trong khu vực, không những thế tình trạng mất đất sản xuất nông nghiệp do chuyển mục đích sử dụng trung bình hàng năm khoảng 22 - 25 nghìn ha, sức ép dân số ngày càng tăng, độ che phủ mặt đất dưới mức an toàn sinh thái, diện tích đất chưa sử dụng còn lớn song chưa đủ căn cứ vững chắc để xây dựng kế hoạch khai thác, sử dụng, do vậy Viện Quy hoạch và Thiết kế Nông nghiệp (Viện QH&TKNN) đã được Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (Bộ NN&PTNT) giao thực hiện chương trình "Điều tra cơ bản phục vụ chiến lược mở rộng 1,5 triệu ha đất nông nghiệp đến năm 2010".

Chương trình được triển khai từ năm 1996 đến 2000. Trong quá trình khảo sát và tổng hợp tài liệu, đã tham khảo kết quả thống kê hiện trạng sử dụng đất hàng năm, tổng kiểm kê đất đai và điều tra đất chưa sử dụng của Tổng cục Địa chính và các Sở Địa chính, số liệu của các Sở NN&PTNN cũng như số liệu của Tổng cục Thống kê. Báo cáo này tổng hợp kết quả 5 năm thực hiện chương trình.

1. TỔNG QUAN KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VỀ ĐẤT TRỒNG ĐÔI TRỌC VÀ ĐẤT CÓ KHẢ NĂNG MỞ RỘNG DIỆN TÍCH SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP

Để có căn cứ mở rộng đất nông nghiệp, việc khảo sát đất đai và quy hoạch bố trí sử dụng đất luôn là việc làm cần thiết, tùy theo giai đoạn lịch sử, phương thức thực hiện có khác nhau. Kết quả nghiên cứu về ĐTĐT và đất có khả năng mở rộng diện tích sản xuất nông nghiệp trong những năm qua có thể tóm lược khái quát:

1.1. Tổng quan các kết quả nghiên cứu

1.1.1. Giai đoạn trước năm 1975

Giai đoạn này công tác điều tra quy hoạch tập trung vào các vùng đất có khả năng khai hoang mở rộng diện tích sản xuất nông nghiệp ở miền Bắc, phục vụ cho việc định canh định cư, xây dựng các vùng kinh tế mới. Trong thời gian này (1961 -

1975) đã khai hoang đưa vào sản xuất 640 nghìn ha, tiếp nhận 1,16 triệu dân. Thành lập 116 nông trường quốc doanh, sử dụng 45 nghìn ha cho sản xuất nông nghiệp (cục định canh định cư - Kinh tế mới, Bộ NN&PTNT).

1.1.2. Giai đoạn từ 1975 đến nay

Sau khi thống nhất đất nước, công tác điều tra khảo sát phân vùng quy hoạch nông nghiệp ở các tỉnh được hoàn thành đã xác định rõ được tài nguyên đất đai, hiện trạng các vùng đất hoang ở từng tỉnh. Cũng trong thời kỳ này Tổng cục Địa chính đã tiến hành kiểm kê đất đai, kết quả kiểm kê (1978) cho thấy: Nước ta có 11.035,2 nghìn ha đất hoang và mặt nước chưa sử dụng, chiếm 33,5 % DTTN trong đó: đất hoang đồng bằng 1.270,1 nghìn ha; đất hoang đồi núi 9.765,1 nghìn ha; mặt nước chưa sử dụng 83,9 nghìn ha; núi đá không có rừng cây 1029,4 nghìn ha. Vì vậy, nghiên cứu phủ xanh ĐTĐT từ sau thống nhất đất nước đã được tiến hành có hệ thống với sự tham gia của các Bộ ngành có liên quan như Bộ NN&PTNT, Bộ Lâm nghiệp, Bộ thủy sản.

Từ khi thành lập Bộ NN&PTNT, nghiên cứu ĐTĐT nhằm mục đích mở rộng diện tích sản xuất nông lâm nghiệp được tiến hành thường xuyên từ Bộ, tỉnh đến huyện. Các chương trình nghiên cứu có hệ thống bao gồm:

1.1.2.1. Chương trình nghiên cứu cấp Nhà nước 02.15.02.01 "Nghiên cứu đánh giá và quy hoạch sử dụng đất hoang ở Việt Nam" thực hiện trong giai đoạn 1980 - 1985 do Viện QH&TKNN chủ trì với sự phối hợp của Tổng cục Quản lý Ruộng đất và Viện Điều tra Quy hoạch Rừng. Kết quả đã xác định được diện tích đất hoang có khả năng mở rộng nông nghiệp còn 4.145 nghìn ha, trong đó đất trồng trọt có 3.540 nghìn ha được đề xuất như sau: lúa nước 515 nghìn ha; cây trồng cạn ngắn ngày 1.550 nghìn ha; cây lâu năm 1.475 nghìn ha. Những vùng còn nhiều đất có khả năng mở rộng sản xuất nông nghiệp gồm: Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL), Đông Nam bộ (ĐNB), Tây Nguyên (TN), Ninh Thuận - Bình Thuận thuộc vùng Duyên Hải Nam Trung bộ (DHNTB).

1.1.2.2. Nghiên cứu về thực trạng, hướng cải tạo và sử dụng ĐTĐT vào sản xuất nông nghiệp

Viện QH&TKNN thực hiện trong 2 năm 1991 - 1992, có sự phối hợp của Viện Điều tra Quy hoạch Rừng, tiến hành rà soát lại ĐTĐT ở các vùng sinh thái nông nghiệp (STNN) trên bản đồ 1/250.000, khảo sát ĐTĐT ở một số tỉnh trọng điểm trên bản đồ 1/100.000 và khảo sát đối chiếu một số khoanh ĐTĐT trên bản đồ tỷ lệ lớn 1/10.000. Kết quả đã xác định được diện tích ĐTĐT có khả năng mở rộng cho nông nghiệp và nông - lâm kết hợp là 4.016 nghìn ha. Trong đó, đất trồng trọt 2.549 nghìn ha, nuôi trồng thủy sản 160 nghìn ha và nông - lâm kết hợp 973 nghìn ha. Đất trồng trọt được đề xuất sử dụng như sau: lúa nước 359 nghìn ha; cây trồng cạn ngắn ngày 710 nghìn ha; cây lâu năm 1.480 nghìn ha; đồng cỏ 334 nghìn ha.

Những kết quả nghiên cứu trên một lần nữa khẳng định tiềm năng đất có thể khai thác, đưa vào sản xuất nông nghiệp. Điểm mới trong chương trình này là qua

khảo sát một số tỉnh, kết hợp khảo sát đối chiếu một số khoanh đất đề xuất sử dụng cho nông nghiệp hoặc lâm nghiệp trên bản đồ tỷ lệ 1/10.000 ở Phú Thọ, Yên Bái, Sơn La, Lai Châu nhận thấy: có sự sai khác không nhiều giữa đề xuất với thực tế, điều này được khẳng định khi đối chiếu khoanh ĐTĐT đề xuất cho nông nghiệp ở các vùng nói trên chỉ có khoảng 10% diện tích dân đã khai thác trồng rừng hoặc đối chiếu khoanh ĐTĐT đề xuất cho lâm nghiệp lại thấy có khoảng 5% diện tích được sử dụng cho nông nghiệp, tuy nhiên đây chỉ là những diện tích tận dụng, xen kẽ với đất dốc. Như vậy, việc đề xuất khả năng mở rộng diện tích sản xuất nông - lâm nghiệp ở các địa bàn tương tự là hợp lý.

1.2. Những vấn đề đặt ra cần nghiên cứu về đất có khả năng mở rộng diện tích sản xuất nông - lâm nghiệp

Kết quả nghiên cứu đề xuất khả năng mở rộng nông nghiệp đã thiết thực phục vụ cho chương trình điều chuyển lao động và dân cư từ các tỉnh phía Bắc, ĐHNTB vào các tỉnh thuộc vùng Tây Nguyên, ĐNB và ĐBSCL để xây dựng các vùng kinh tế mới. Giai đoạn 1976 - 1995 đã di dân theo kế hoạch được 4,74 triệu người, khai hoang đưa vào sản xuất nông nghiệp 1,36 triệu ha. Cùng với điều chuyển lao động theo kế hoạch, có hơn 1,3 triệu người di cư tự do (280 nghìn hộ) đến các tỉnh nói trên. Ở các tỉnh miền núi phía Bắc, đông bào H'Mông di cư từ vùng núi cao tỉnh này sang vùng núi cao tỉnh khác khoảng 7,4 nghìn hộ. Trên thực tế việc mở rộng đất sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp trong thời kỳ này diễn ra rất phức tạp. Mặc dù đã có phân vùng quy hoạch phát triển nông - lâm - ngư nghiệp ở các tỉnh, vùng kinh tế và toàn quốc, nhưng do nhiều nguyên nhân khác nhau mà diện tích đất nông nghiệp mở rộng thêm hàng năm ở nhiều vùng không thực hiện theo quy hoạch (như phát triển cà phê Tây Nguyên đã xâm hại đất rừng; phá rừng ngập mặn lấy mặt nước nuôi tôm ở Bán đảo Cà Mau...).

Di dân tự do cùng với giá đất đai lên cao và năm 1995 còn 85% diện tích ĐTĐT chưa giao quyền sử dụng lâu dài (Tổng cục Địa chính) đến năm 2000 vẫn còn 65% chưa có chủ sử dụng... là những nguyên nhân gây nên tình trạng phức tạp trong quản lý tài nguyên ĐTĐT: tình trạng chiếm dụng, tranh chấp, lấn chiếm và sang nhượng, buôn bán trao tay đất đai khá phổ biến dẫn đến biến động lớn về diện tích ĐTĐT. Vì vậy, nghiên cứu về mở rộng đất nông nghiệp giai đoạn 1996 - 2000 cần xác định rõ khả năng thực tế của đất còn có thể khai thác đưa vào sản xuất nông nghiệp, phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế xã hội những năm đầu thế kỷ XXI.

2. MỤC TIÊU, NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Mục tiêu

2.1.1. Xác định diện tích ĐTĐT có khả năng khai thác mở rộng cho sản xuất nông nghiệp để phát triển kinh tế - xã hội ở từng tỉnh, vùng kinh tế nông nghiệp (KTNN) và toàn quốc.

2.1.2. Xác định những khu vực trọng điểm có thể mở rộng đất nông nghiệp về quy mô diện tích, chất lượng đất đai và điều kiện khai thác.

2.1.3. Bước đầu đề xuất các giải pháp nghiên cứu, thực hiện mở rộng diện tích sản xuất nông nghiệp.

2.2. Nội dung và phương pháp nghiên cứu

2.2.1. Thu thập, phân loại và tổng hợp tài liệu phục vụ các mục tiêu nghiên cứu

- Thu thập các kết quả nghiên cứu về ĐTĐT có khả năng khai thác mở rộng sản xuất nông nghiệp, các dự án phát triển nông - lâm nghiệp đã có của các cơ quan Trung ương và địa phương gồm số liệu, báo cáo, bản đồ chuyên đề các loại:

+ Về bản đồ gồm: bản đồ nền địa hình, bản đồ đất, hiện trạng sử dụng đất, phân vùng KTNN, phân hạng thích nghi đất đai, đề xuất sử dụng đất, quy hoạch sử dụng đất... các tỷ lệ 1/10.000, 1/25.000, 1/50.000, 1/100.000 và 1/250.000.

+ Các báo cáo về kết quả điều tra đánh giá đất, quy hoạch sử dụng đất của các tỉnh, 7 vùng KTNN và toàn quốc.

+ Bản tả phẫu diện đất, phiếu điều tra đánh giá đất, điều tra nông hộ, kết quả phân tích hiệu quả sử dụng đất đã có của các chương trình ĐTĐT và các chương trình công tác thường xuyên.

+ Kết quả phân tích đất.

- Phân loại, sắp xếp phiếu điều tra đánh giá đất, phiếu điều tra nông hộ, kết quả phân tích hiệu quả sử dụng đất, kết quả phân tích đất theo loại (nhóm) đất, loại thảm phủ (hoặc loại sử dụng đất) và theo 7 vùng KTNN.

2.2.2. Nội dung và phương pháp thực hiện mục tiêu 2.1.1

2.2.2.1. Xác định các loại hiện trạng vùng ĐTĐT

a. Nội dung thực hiện

- Sau khi trao đổi, thống nhất với Tổng cục Địa chính và Viện Điều Tra Quy hoạch Rừng, các đất và đất dưới các dạng thảm phủ, gồm: cồn cát, bãi cát ven sông ven biển; trảng cỏ thuần; cỏ xen cây lùm bụi; cây lùm bụi xen cây gỗ rải rác và mặt nước chưa sử dụng được coi là ĐTĐT.

- Sử dụng kỹ thuật viễn thám giải đoán và phân tích ảnh vệ tinh tỷ lệ 1/100.000, ảnh máy bay để xác định sự phân bố, quy mô và ranh giới của 5 loại hiện trạng kể trên. Xây dựng bản đồ hiện trạng ĐTĐT trong phòng.

- Khảo sát các địa điểm đặc trưng và khảo sát tuyến, xây dựng khoá chuẩn, chỉnh lý, hoàn thiện bản đồ hiện trạng ĐTĐT trong phòng, thành lập bản đồ hiện trạng ĐTĐT chính thức.

b. Phương pháp thực hiện

- Giải đoán ảnh (với sự trợ giúp của hệ thống thông tin địa lý GIS).
- Phương pháp điều tra thực địa.

2.2.2.2. Đánh giá số lượng và chất lượng các loại đất thuộc vùng ĐTĐT. Xác định diện tích ĐTĐT có khả năng mở rộng sản xuất nông - lâm nghiệp

a. Nội dung thực hiện

- Chồng xếp bản đồ hiện trạng ĐTĐT và bản đồ đất cùng tỷ lệ, xác định ranh giới, quy mô, địa điểm phân bố của các loại (nhóm) đất là vùng ĐTĐT. Đo, tổng hợp diện tích theo loại (nhóm) đất và theo dạng thảm phủ.

- Khảo sát bổ sung theo tuyến, lấy mẫu đất phân tích theo loại (nhóm) đất và các dạng thảm phủ. Điều tra hiệu quả sử dụng đất (đặc biệt là các mô hình sử dụng ĐTĐT) và cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất nông - lâm nghiệp.

Phỏng vấn nông dân về các yếu tố thuận lợi và rủi ro của điều kiện tự nhiên đối với sử dụng đất nói chung cũng như khai thác sử dụng ĐTĐT nói riêng.

- Xác định loại sử dụng đạt hiệu quả cao, lựa chọn các loại sử dụng đất có khả năng bố trí ở các vùng ĐTĐT. Phân hạng đánh giá mức độ thích nghi của ĐTĐT với các loại sử dụng được lựa chọn.

b. Phương pháp thực hiện

- Chồng xếp bản đồ

- Quan trắc, mô tả phẫu diện đất theo Quy phạm điều tra xây dựng bản đồ đất tỷ lệ trung bình và lớn (Bộ Nông nghiệp và Công nghiệp Thực Phẩm, 1984).

- Sử dụng các phương pháp phân tích đất theo ISRIC (International Soil Reference and Information Center) để phân tích 15 chỉ tiêu chính: pH_{H_2O} và pH_{KCl} ; hàm lượng chất hữu cơ, N, P_2O_5 , K_2O tổng số; P_2O_5 , K_2O dễ tiêu; cation trao đổi: H^+ , Ca^{2+} , Mg^{2+} ; CEC và tỷ lệ % các cấp hạt (thành phần cơ giới).

- Điều tra phỏng vấn nông dân theo phương pháp điều tra nhanh nông thôn (PRA).

- Quy trình đánh giá đất đai.

2.2.3. Nội dung, phương pháp thực hiện mục tiêu 2.1.2

a. Nội dung thực hiện

- Thống kê diện tích 3 mức thích nghi của ĐTĐT với các loại sử dụng đất nông nghiệp và nông - lâm kết hợp. Phân cấp quy mô diện tích của các mức thích nghi theo khu vực thuộc 2 đơn vị hành chính là huyện và tỉnh. Khu vực và huyện

trọng điểm là địa bàn có quy mô diện tích ĐTĐT thích nghi cho mở rộng sản xuất nông nghiệp và nông - lâm kết hợp... đủ lớn, phân bố tập trung.

- Dựa vào kết quả tổng hợp các mức thích nghi, các khu vực (vùng) trọng điểm, có xem xét đến hiệu quả sử dụng đất hiện tại và các mô hình phủ xanh ĐTĐT thực hiện trong những năm vừa qua, đồng thời căn cứ vào các mục tiêu chiến lược và chính sách của ngành nông nghiệp đến năm 2010, đề xuất sử dụng ĐTĐT.

b. Phương pháp thực hiện

- Phương pháp thống kê.
- Sử dụng các phương pháp phân tích hệ thống.
- Chương trình MUSAH 86.

2.2.4. Nội dung phương pháp thực hiện mục tiêu 2.1.3

a. Nội dung thực hiện

- Tổng kết, đánh giá hiệu quả (kinh tế - xã hội và môi trường) của các mô hình phủ xanh ĐTĐT, hiệu quả sử dụng đất ở những vùng ĐTĐT đã khai thác đưa vào sử dụng, rút ra:

- + Những mô hình đạt hiệu quả cao (thuận lợi và nguyên nhân thành công).
- + Những mô hình không thành công hoặc đạt hiệu quả thấp (nguyên nhân thất bại, các khó khăn, và trở ngại...).

- Phân tích các chính sách về quyền sở hữu, chuyển nhượng đất đai, vốn và tín dụng, hợp tác đầu tư, thị trường, giá nông sản phẩm, điều kiện chế biến, cơ sở hạ tầng, dịch vụ nông - lâm - ngư nghiệp và văn hoá - xã hội...Đề xuất các giải pháp nghiên cứu khai thác ĐTĐT mở rộng diện tích sản xuất nông nghiệp giai đoạn 2001 - 2010.

b. Phương pháp thực hiện.

- Phương pháp SWOT (phân tích mạnh, yếu, triển vọng và rủi ro).
- Ma trận phân tích chính sách (PAM).

3. KHỐI LƯỢNG ĐIỀU TRA KHẢO SÁT THỜI KỲ 1996 - 2000 VỀ ĐTĐT CÓ KHẢ NĂNG MỞ RỘNG DIỆN TÍCH SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP

Để thực hiện chương trình, Viện QH&TKNN đã tổ chức lực lượng trực tiếp điều tra, xác định hiện trạng ĐTĐT, khảo sát đất các vùng ĐTĐT nhằm đạt những mục tiêu đề ra là xác định được số lượng, chất lượng, địa điểm phân bố của ĐTĐT và khả năng khai thác, đưa vào mở rộng diện tích sản xuất nông nghiệp.

3.1. Tổ chức lực lượng thực hiện